TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG I
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 02/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG I, TỈNH PHÚ YÊN

Với B phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân: + *Ông* Lê Việt Hòa – Bí thư Huyện đoàn X, tỉnh Phú Yên.

+ *Bà* Nguyễn Thị Lý Vũ – Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện X, tỉnh Phú yên.

- Thư ký phiên tòa: *Ông* Trần Vĩnh Long – Thẩm tra viên TAND huyện X, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện X tham gia phiên tòa: *Ông* Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 10 phút, ngày 02 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện X mở phiên toà để xét xử kín và tuyên án công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Minh A - Sinh năm: 1997 tại huyện X, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: thôn T - xã S Bắc - huyện X - tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Bùi Long B - SN: 1965 và bà: Nguyễn Thị C - SN: 1970; Bị cáo chưa vợ; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Nguyễn Thị D – Sinh ngày: 10/4/2004; Trú tại: Thôn P – xã Q 2 – huyện X – tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Chị Nguyễn Kim E - Sinh năm: 1979 (là mẹ của bị hại); Trú tại: Thôn P – xã Q 2 – huyện X – tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại (Do trung tâm TGPL cử) - Ông Ngô Tấn Hải – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp

pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2019, Bùi Minh A và Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/4/2004, trú tại thôn P, xã Q 2, huyện X tình cờ quen biết nhau thông qua mạng xã hội Facebook rồi nảy sinh tình cảm yêu thương nhau. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/7/2019, Bùi Minh A điều khiển xe mô tô BKS 78K1-187.68 chở Đỗ Văn E, Đỗ Văn G, cùng trú tại thôn T, xã S Bắc, huyện X đi đến nhà văn hóa thôn P, xã Q 2, huyện X để chơi cùng với D và các bạn của D là Nguyễn Thị Ánh H và Huỳnh Thị Kim I, trú cùng thôn với D. Trong lúc ngồi chơi đến khoảng 21 giờ cùng ngày, A đi ra phía sau nhà văn hóa để đi vệ sinh, thấy vậy D đi theo. Tại đây, A và D ôm hôn, sờ soạn thân thể nhau được khoảng 02 phút thì A đỡ D nằm xuống đất, A cởi quần của D đang mặc và tự cởi quần của mình ra, sau đó nằm đè lên mình D rồi quan hệ tình dục được khoảng hơn 10 phút thì nghe tiếng của mẹ ruột D là bà Nguyễn Kim E nên A và D tự mặc lại quần và đi đến trước sân nhà văn hóa, sau đó bà E chở D đi về nhà. Đến ngày 08/7/2019, bà Nguyễn Kim E làm đơn tố giác, yêu cầu xử lý đối với hành vi của Bùi Minh A.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Bùi Minh A còn khai nhận từ ngày 01/7/2019 đến ngày 05/7/2019, giữa A và D còn có 04 lần quan hệ tình dục với nhau, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01/7/2019, A và D hẹn gặp nhau tại khu vực tiệm làm tóc của bà Trình Thị Ngọc K, thuộc thôn P, xã Q 2, huyện X. Tại đây, A và D đã quan hệ tình dục với nhau.

- Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 02/7/2019, A và D hẹn gặp nhau tại nhà văn hóa thôn P, xã Q 2, huyện X. Tại đây, A và D quan hệ tình dục với nhau.

- Lần thứ ba: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/7/2019, A và D tiếp tục hẹn gặp nhau tại nhà văn hóa thôn P, xã Q 2, huyện X. Tại đây, A, D cùng với các bạn của D gồm Nguyễn Thị Ánh H và Huỳnh Thị Kim I ngồi chơi, nói chuyện với nhau. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, thấy H và I đã đi về nhà nên A và D cùng đi ra phía sau nhà văn hóa để quan hệ tình dục.

- Lần thứ tư: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/7/2019, A điều khiển xe mô tô chở D đến xã S Bắc, huyện X để xem ca nhạc. Tại đây, A và D gặp Đỗ Văn E, trú cùng thôn với A nên cả nhóm rủ nhau đi uống bia. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, A chở D đi về nhà. Trên đường về, A chở D vào bên trong sân vận động thuộc thôn M, xã S Bắc, huyện X để quan hệ tình dục. Lúc này, A và D ôm hôn nhau rồi cả hai quan hệ tình dục với nhau.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tình dục số 211/TD ngày 16/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Bộ phận sinh dục ngoài của

Nguyễn Thị D không xây xát; màng trinh tại vị trí 06 giờ bị xây xát, vị trí 08 giờ có vết rách cũ; không thấy xác tinh trùng; cơ thể không có dấu vết thương tổn.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKSĐX ngày 26/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Bùi Minh A về tội: "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 của BLHS.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Kết luận bị cáo Bùi Minh A phạm tội: "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi". Căn cứ vào nhân thân, A chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS đối với bị cáo. Xử phạt: Bùi Minh A từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù A từ ngày bắt thi hành án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 584, 585 và 592 BLDS, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại. Bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tổng số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), bị cáo đã bồi thường 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

+ Về vật chứng: Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động; Tịch thu tiêu hủy 02 khẩu trang *(Có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện X và Chi cục THADS huyện X).*

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo không tranh luận, bào chữa về hành vi của mình; bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Ông Ngô Tấn Hải thống nhất về mặt tội danh, mức hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan G hành tố tụng, người G hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tố tụng của Cơ quan G hành tố tụng, người G hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy đủ cơ sở kết luận: Do có tình cảm yêu thương nhau nên trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2019 đến ngày 06/7/2019, tại khu vực tiệm làm tóc của bà Trình Thị Ngọc K, nhà văn hóa thuộc thôn P, xã Q 2, huyện X và sân vận động thuộc thôn M, xã S Bắc, huyện X, Bùi Minh A đã có hành vi giao cấu với Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/4/2004, tổng cộng 5 lần. Tại thời điểm quan hệ tình dục thì bị cáo là người đủ 18 tuổi, còn bị hại D được 15 tuổi 02 tháng 21 ngày. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu B tội *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"*. Bị cáo có hành vi giao cấu với bị hại D tổng cộng 5 lần là tình tiết định khung theo điểm a khoản 2 Điều 145 BLHS, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo Bùi Minh A về tội *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"*– theo điểm a khoản 2 Điều 145 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe về tình dục, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của trẻ em. Khi thực hiện hành vi giao cấu, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì thiếu hiểu biết pháp luật mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, nên đối với bị cáo cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với A chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã B khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi trái pháp luật của mình; Bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu và được người bị hại yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án - tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS là đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 15.000.000 đồng; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên chỉ cần xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa , bị cáo và người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận về việc bồi thường. Bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tổng số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), bị cáo đã bồi thường 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Việc thỏa thuận bồi thường này là hoàn toàn tự nguyện, nên HĐXX ghi nhận.

[5] Về vật chứng: 01 điện thoại di động là những tài sản hợp pháp của bị cáo, và bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên xét trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS; 02 khẩu trang là vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Minh A phạm tội: *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"*.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS. Xử phạt:

+ Bùi Minh A 01 (một) năm 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù A từ ngày bắt thi hành án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 592 BLDS, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại. Bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tổng số tiền là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), bị cáo đã bồi thường 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Người bị hại Nguyễn Thị D được nhận số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tại biên lai số AA/2010/ 03347 mà bị cáo Bùi Minh A đã bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động; Tịch thu tiêu hủy 02 khẩu trang *(Vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện X và Chi cục THADS huyện X).*

* *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Minh A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện X;
- Công an huyện X;
- UBND xã S Bắc;
- CC THADS huyện X;
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Ngọc Trung